

HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM

Địa chỉ: Thôn An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Số điện thoại: 0705.4444.81

ĐẾN Số: 353
Ngày: 24/9/2026
Chuyến:
Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/HTXNDGTF/2026

Sản phẩm: **TRÀ BẠC HÀ**

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/HTXNDGTF/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm

Địa chỉ: Thôn An Định, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 070.5444.481 Email: nongduocgotafarm@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 1001222198 (đăng ký lần đầu ngày 15/3/2021).

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 68/2023/NNPTNT-TB-QLCL; ngày cấp: 07/11/2023; nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Trà Bạc Hà

2. Thành phần: 100% lá bạc hà sấy khô.

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm đóng trong hũ thủy tinh đã làm sạch, khối lượng tịnh 15 g ($\pm 1\%$) hoặc quy cách khác theo yêu cầu khách hàng. Bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm đáp ứng quy định an toàn đối với dụng cụ, vật liệu bao gói thực phẩm. Bao bì vận chuyển: thùng carton, khô, sạch, chắc chắn.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm — Thôn An Định, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm Phụ lục I: mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo các văn bản sau:

- TCVN 7975:2008 — Chè thảo mộc túi lọc (các chỉ tiêu kim loại nặng; vi sinh vật; độc tố vi nấm; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật).
- QCVN 8-2:2011/BYT — Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

3. TCCS 01:2026/GOTAFARM — các chỉ tiêu chất lượng do cơ sở công bố (*đính kèm Phụ lục II*)
4. Thông tư số 50/2016/TT-BYT — Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Các chỉ tiêu an toàn được kiểm nghiệm tại phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận ISO/IEC 17025; phiếu kết quả kiểm nghiệm còn hiệu lực trong 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ và được đính kèm bản tự công bố này.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 20 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Duyên

PHỤ LỤC I
MẪU NHÃN DƯ KIẾN TRÀ BẠC HÀ
(Kèm theo Bản tự công bố số: 02/HTXNDGTF/2026)

TRÀ BẠC HÀ

Thành phần: 100% lá bạc hà sấy khô

Hướng dẫn sử dụng:

Pha 3-5 lá trà với 300ml nước sôi nóng, ủ trà 5 phút rồi thưởng thức. Có thể thêm đường, mật ong hoặc cỏ ngọt để tăng thêm vị ngon của trà. Ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đóng chặt hũ sau khi sử dụng.

Cảnh báo: Không sử dụng khi sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc hoặc hết hạn sử dụng.

NSX: xem trên bao bì **HSD:** 12 tháng kể từ NSX

Khối lượng tịnh: 15g (hoặc xem trên bao bì)

Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm

Địa chỉ: Thôn An Định, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0705.4444.81 **Website:** www.gotafarm.vn

Xuất xứ: Việt Nam

Số TCB: 02/HTXNDGTF/2026

TCCS 02:2026/HTXNDGTF

PHỤ LỤC II
TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
SỐ: TCCS 02:2026/HTXNDGTF
(Kèm theo Bản tự công bố số: 02/HTXNDGTF/2026)

1. Chỉ tiêu chất lượng**1.1. Chỉ tiêu cảm quan**

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả
1	Màu nước pha	Nước pha có màu vàng sẫm đặc trưng
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng không có mùi lạ
3	Vị	Vị thơm đặc trưng không có vị lạ

1.2. Chỉ tiêu lý – hóa

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	≤ 15
2	Tro tổng số	%	≤ 10
3	Tro không tan trong axit	%	≤ 1

2. Chỉ tiêu an toàn**2.1. Kim loại nặng**

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 2
2	As (Asen)	mg/kg	≤ 1
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0.05

2.2. Vi sinh vật và độc tố vi nấm

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 1 \times 10^6$
2	Coliform	CFU/g	$\leq 1 \times 10^3$
3	Nấm men	CFU/g	$\leq 1 \times 10^4$
4	Nấm mốc	CFU/g	$\leq 1 \times 10^4$
5	Salmonella	/25g	Không phát hiện
6	Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	< 15

2.3. Chỉ tiêu giới hạn thuốc BVTV

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Chlorpyrifos-methyl	mg/kg	≤ 0.1
2	Cypermethrin	mg/kg	≤ 20
3	Fenitrothion	mg/kg	≤ 0.5
4	Flucythrinate	mg/kg	≤ 20

5	Methidathion	mg/kg	≤ 0.5
6	Permethrin	mg/kg	≤ 20
7	Propargite	mg/kg	≤ 5

2.4. Ngày sản xuất, hạn sử dụng:

NSX: Xem trên bao bì

HSD: 12 tháng kể từ NSX

2.5. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:**Hướng dẫn sử dụng:**

Pha 3-5 lá trà với 300ml nước sôi, ủ trà 5 phút rồi thưởng thức. Có thể thêm đường, mật ong hoặc cỏ ngọt để tăng thêm vị ngon của trà. Ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đóng chặt hũ sau khi sử dụng.

2.6. Thông tin cảnh báo

Không sử dụng khi sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc hoặc hết hạn sử dụng.

Tiêu chuẩn này sẽ được định kỳ xem xét, cập nhật và sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu thực tế của thị trường.

Hưng Yên, ngày 19 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Duyên



**HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC
GOTAFARM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/QĐ-HTX

Bắc Thụy Anh, ngày 19 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ các Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn cơ sở TCCS 02:2026/HTXNDGTF, nhãn hiệu: GOTAFARM áp dụng cho sản phẩm **TRÀ BẠC HÀ**.

Điều 2. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu tại Công ty.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Duyên

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 260423031

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**
Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260423031
Tên mẫu/ Name of Sample : **TRÀ BẠC HÀ**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix : Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 23 / 04 / 2026 - 07 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 07 / 05 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Chlorpyrifos-methyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Cypermethrins	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Fenitrothion	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Flucythrinate	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Methidathion	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Permethrin (sum of isomers)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Propargite	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet



Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



VILAS 357

BN: 260423031

Trang/ Page 1 / 2

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**
Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260423031
Tên mẫu/ Name of Sample : **TRÀ BẠC HÀ**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix : Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 23 / 04 / 2026 - 06 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 06 / 05 / 2026



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Cảm quan (Sensory)	Mẫu trà bạc hà dạng lá, sấy khô, màu xanh sẫm			Cảm quan / Sensory
Độ ẩm (Moisture content) (103°C)	10.5	g/100g		HD.TN.047:2017 (*)
Tro tổng (Ash total) (550°C)	8.19	% chất khô		HD.TN.037:2017 (*)
Tro không tan trong Acid (HCl)	KPH/ N.D	g/100g	0.05	HD.TN.037:2017 (*)
Aflatoxin B1	KPH/ N.D	µg/kg	0.15	HD.TN.007: 2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
Aflatoxin tổng số (B1,B2,G1,G2)	KPH/ N.D	µg/kg	0.15 mỗi chất	HD.TN.007: 2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
As (Arsen tổng) (Total Arsenic)	0.06	mg/kg		HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Cd (Cadimi) (Cadmium)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025(Ref. AOAC 2015.01) (ICP-MS) (*)
Hg (Thủy ngân) (Mercury)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Pb (Chì) (Lead)	0.13	mg/kg		HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Coliforms	<10	CFU/g		TCVN 6848 : 2007 (ISO 4832 : 2007) (*)
Salmonella spp.	Không phát hiện	/25g		ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 (*)
Tổng số nấm men (Yeast)	<10	CFU/g		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2 : 2008)(*)
Tổng số nấm mốc (Molds)	3.2x10 ²	CFU/g		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2 : 2008)(*)

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 260423031

Trang/ Page 2 / 2

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**
Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260423031
Tên mẫu/ Name of Sample : **TRÀ BẠC HÀ**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix : Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 23 / 04 / 2026 - 06 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 06 / 05 / 2026



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Total plate counts)	1.8×10^3	CFU/g		ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g) when the dish contains no colony

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

BN: 260423031

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**
Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID	: 260423031
Tên mẫu/ Name of Sample	: TRÀ BẠC HÀ
Mô tả mẫu/ Sample description	: Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix	: Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received	: 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis	: 23 / 04 / 2026 - 06 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered	: 06 / 05 / 2026



HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM

Địa chỉ: Thôn An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG	
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: 354
	Ngày: 21/9/2026
	Chuyển:
	Số và ký hiệu HS:

Số điện thoại: 0705.4444.81

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/HTXNDGTF/2026

Sản phẩm: **TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỎ**

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/HTXNDGTF/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm

Địa chỉ: Thôn An Định, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0705.4444.81 Email: nongduocgotafarm@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 1001222198 (đăng ký lần đầu ngày 15/3/2021).

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 68/2023/NNPTNT-TB-QLCL; ngày cấp: 07/11/2023; nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Trà Thảo Mộc Hoa Cúc Cỏ

2. Thành phần: 100% hoa cúc cỏ sấy khô.

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm đóng trong hũ thủy tinh đã làm sạch, khối lượng tịnh 30 g ($\pm 1\%$) hoặc quy cách khác theo yêu cầu khách hàng. Bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm đáp ứng quy định an toàn đối với dụng cụ, vật liệu bao gói thực phẩm. Bao bì vận chuyển: thùng carton, khô, sạch, chắc chắn.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm — Thôn An Định, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm Phụ lục I: mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo các văn bản sau:

- TCVN 7975:2008 — Chè thảo mộc túi lọc (các chỉ tiêu kim loại nặng; vi sinh vật; độc tố vi nấm; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật).
- QCVN 8-2:2011/BYT — Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

3. TCCS 01:2026/GOTAFARM — các chỉ tiêu chất lượng do cơ sở công bố (đính kèm Phụ lục II)
4. Thông tư số 50/2016/TT-BYT — Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Các chỉ tiêu an toàn được kiểm nghiệm tại phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận ISO/IEC 17025; phiếu kết quả kiểm nghiệm còn hiệu lực trong 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ và được đính kèm bản tự công bố này.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 20 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Duyên

PHỤ LỤC I
MẪU NHÃN DỰ KIẾN TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỎ
(Kèm theo Bản tự công bố số: 03/HTXNDGTF/2026)

TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỎ

Thành phần: 100% hoa cúc cỏ sấy khô

Hướng dẫn sử dụng:

Pha 10-15 bông hoa cúc vào 150ml nước sôi nóng. Có thể thêm các vị thảo mộc khác (táo đỏ, kỳ tử, bạc hà) để tăng thêm vị của trà. Ủ trà 5 phút rồi thưởng thức.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đóng chặt nắp hũ sau khi sử dụng.

Cảnh báo: Không sử dụng khi sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc hoặc hết hạn sử dụng.

NSX: xem trên bao bì **HSD:** 12 tháng kể từ NSX

Khối lượng tịnh: 30g (hoặc xem trên bao bì)

Cơ sở chịu trách nhiệm sản phẩm:

Hợp Tác Xã Nông Dược Gotafarm

Địa chỉ: Thôn An Định, xã Bắc Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0705.4444.81 **Website:** www.gotafarm.vn

Xuất xứ: Việt Nam

Số TCB: 03/HTXNDGTF/2026

TCCS 03:2026/HTXNDGTF

PHỤ LỤC II
TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT
SỐ: TCCS 03:2026/HTXNDGTF
(Kèm theo Bản tự công bố số: 03/HTXNDGTF/2026)

1. Chỉ tiêu chất lượng**1.1. Chỉ tiêu cảm quan**

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả
1	Màu nước pha	Nước pha có màu vàng nhạt đặc trưng
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng không có mùi lạ
3	Vị	Vị thơm đặc trưng không có vị lạ

1.2. Chỉ tiêu lý – hóa

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	≤ 15
2	Tro tổng số	%	≤ 10
3	Tro không tan trong axit	%	≤ 1

2. Chỉ tiêu an toàn**2.1. Kim loại nặng**

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 2
2	As (Asen)	mg/kg	≤ 1
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0.05

2.2. Vi sinh vật và độc tố vi nấm

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 1 \times 10^6$
2	Coliform	CFU/g	$\leq 1 \times 10^3$
3	Nấm men	CFU/g	$\leq 1 \times 10^4$
4	Nấm mốc	CFU/g	$\leq 1 \times 10^4$
5	Salmonella	/25g	Không phát hiện
6	Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	< 15

2.3. Chỉ tiêu giới hạn thuốc BVTV

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Chlorpyrifos-methyl	mg/kg	≤ 0.1
2	Cypermethrin	mg/kg	≤ 20
3	Fenitrothion	mg/kg	≤ 0.1
4	Flucythrinate	mg/kg	≤ 20

5	Methidathion	mg/kg	≤ 0.5
6	Permethrin	mg/kg	≤ 20
7	Propargite	mg/kg	≤ 5

2.4. Ngày sản xuất, hạn sử dụng:

NSX: Xem trên bao bì

HSD: 12 tháng kể từ NSX

2.5. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:**Hướng dẫn sử dụng:**

Pha 10-15 bông hoa cúc vào 150ml nước sôi nóng. Có thể thêm các vị thảo mộc khác (táo đỏ, kỳ tử, bạc hà) để tăng thêm vị của trà. Ủ trà 5 phút rồi thưởng thức.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đóng chặt nắp hũ sau khi sử dụng.

2.6. Thông tin cảnh báo

Không sử dụng khi sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc hoặc hết hạn sử dụng.

Tiêu chuẩn này sẽ được định kỳ xem xét, cập nhật và sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu thực tế của thị trường.

Hưng Yên, ngày 19 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Duyên



**HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC
GOTAFARM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/QĐ-HTX

Bắc Thủy Anh, ngày 19 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ các Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2026/HTXNDGTF, nhãn hiệu: GOTAFARM áp dụng cho sản phẩm **TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỎ**.

Điều 2. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu tại Công ty.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Duyên

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 260423032

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**
Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260423032
Tên mẫu/ Name of Sample : **TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỎ**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix : Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 23 / 04 / 2026 - 07 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 07 / 05 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Chlorpyrifos-methyl	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Cypermethrins	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Fenitrothion	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Flucythrinate	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Methidathion	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)) (*)
Permethrin (sum of isomers)	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)
Propargite	KPH/ N.D	mg/kg	0.05	HD.TN.336:2023 (Ref. AOAC 2007.01 (GC/MS/MS)) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet



Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



VILAS 357

BN: 260423032

Trang/ Page 1 / 2

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**
Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260423032
Tên mẫu/ Name of Sample : **TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỎ**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix : Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 23 / 04 / 2026 - 06 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 06 / 05 / 2026



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Cảm quan (Sensory)	Mẫu trà hoa cúc, dạng hoa khô, màu vàng			Cảm quan / Sensory
Độ ẩm (Moisture content) (103°C)	8.50	g/100g		HD.TN.047:2017 (*)
Tro tổng (Ash total) (550°C)	9.66	% chất khô		HD.TN.037:2017 (*)
Tro không tan trong Acid (HCl)	KPH/ N.D	g/100g	0.05	HD.TN.037:2017 (*)
Aflatoxin B1	KPH/ N.D	µg/kg	0.15	HD.TN.007: 2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
Aflatoxin tổng số (B1,B2,G1,G2)	KPH/ N.D	µg/kg	0.15 mỗi chất	HD.TN.007: 2021 (Ref. AOAC 2005.08 (LC/MS/MS)) (*)
As (Arsen tổng) (Total Arsenic)	0.055	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Cd (Cadimi) (Cadmium)	0.077	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025(Ref. AOAC 2015.01) (ICP-MS) (*)
Hg (Thủy ngân) (Mercury)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025(Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Pb (Chì) (Lead)	0.093	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Coliforms	<10	CFU/g		TCVN 6848 : 2007 (ISO 4832 : 2007) (*)
Salmonella spp.	Không phát hiện	/25g		ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 (*)
Tổng số nấm men (Yeast)	4.5x10 ³	CFU/g		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2 : 2008)(*)
Tổng số nấm mốc (Molds)	1.5x10 ³	CFU/g		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2 : 2008)(*)

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS**



VILAS 357

BN: 260423032

Trang/ Page 2 / 2

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**
Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260423032
Tên mẫu/ Name of Sample : **TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỎ**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix : Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 23 / 04 / 2026 - 06 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 06 / 05 / 2026



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Total plate counts)	2.8×10^4	CFU/g		ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g) when the dish contains no colony

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

BN: 260423032

Trang/ Page 1 / 1

Tên khách hàng / Client name: **HỢP TÁC XÃ NÔNG DƯỢC GOTAFARM**

Địa chỉ / Address: Thôn 2 An Định, Xã Bắc Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID	: 260423032
Tên mẫu/ Name of Sample	: TRÀ THẢO MỘC HOA CÚC CỔ
Mô tả mẫu/ Sample description	: Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Nền mẫu / Matrix	: Trà
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received	: 23 / 04 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis	: 23 / 04 / 2026 - 06 / 05 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered	: 06 / 05 / 2026



- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.